

Số: /BC-UBND

Đức Cơ, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm,
phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023**

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Công văn số 1376/STC-TTtr ngày 28/4/2023 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả tình hình thực hiện về THTK, CLP 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ tổng hợp báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023, cụ thể như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Để triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ trong các lĩnh vực: Sử dụng ngân sách, tài sản Nhà nước, lao động, thời gian lao động, quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên và hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân; Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/05/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một trong những mặt công tác quan trọng được Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên quan tâm, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể huyện và các đơn vị xã, thị trấn trên địa bàn thực hiện tốt nhằm tiết kiệm ngân sách Nhà nước và sử dụng ngân sách địa phương có hiệu quả để góp phần xây dựng huyện Đức Cơ.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 thực hiện trên địa bàn huyện và chỉ đạo các ngành chuyên môn tổ chức tuyên truyền triển khai Luật, quán triệt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến tất cả các ban, ngành, đoàn thể, các xã, thị trấn.

Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, quy định các đơn vị tự kiểm tra chuyên đề thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên lĩnh vực đất đai, cải cách hành chính, quản lý ngân sách, tài sản công, khai thác tài nguyên, khoáng sản...

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước quan tâm trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức học tập, quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị mình; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra trong các đơn vị việc thực hiện các quy chế, nội qui về kỷ luật lao động; đặc biệt là các quy định về sử dụng thời gian lao động. Từ đó, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tinh thần phát huy những thành tích đạt được, khắc phục những mặt hạn chế trong năm 2022 để thực hiện có hiệu quả hơn.

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ không ban hành kế hoạch thanh tra chuyên đề lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí mà chỉ tổ chức lồng ghép thanh tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, định mức trong các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội có liên quan như thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ cho học sinh trung học cơ sở tại các trường PTDTBT THCS, trường THCS công lập theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và các khoản thu đóng góp của cha mẹ học sinh tại 02 trường học.

Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí: Trong 6 tháng đầu năm phát hiện 03 vụ việc vi phạm lãng phí, xử phạt vi phạm số tiền: 8 triệu đồng.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực. (Số liệu tại phụ lục 02, 04 kèm theo)

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

a. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 ban hành danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn huyện Đức Cơ

b. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

Ủy ban nhân dân huyện thực hiện điều hành ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách; Việc sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đúng mục đích, nội dung của chương trình và các quy định về tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước. Thực hiện chi trả và thanh quyết toán đảm bảo đúng quy định. Cụ thể:

- Lĩnh vực quản lý, sử dụng tài chính, NSNN: Ngay từ đầu năm 2023, thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số tiền: 11.428,8 triệu đồng

- Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu: Ủy ban nhân dân huyện phân bổ kế hoạch vốn thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, CTMTQG giảm nghèo bền vững theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức vốn được UBND tỉnh giao. Chấp hành đúng các quy định về thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành đảm bảo tiết kiệm, không lãng phí.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Năm 2023, huyện huyện Đức Cơ được UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, số tiền: 360 triệu đồng. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, trong quá trình phê duyệt dự toán triển khai, nghiêm túc tuân thủ các quy trình thẩm định dự toán, thanh quyết toán đúng quy định, hạn chế lãng phí, thất thoát trong triển khai thực hiện.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo: Dự toán chi thường xuyên năm 2023 thực hiện nhiệm vụ giáo dục đã giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo để phân bổ đến các đơn vị sự nghiệp ngay từ đầu năm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế cấp huyện: Cấp kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp y tế thôn bản theo quy định. Năm 2023, UBND huyện bố trí kinh phí Quỹ hỗ trợ Nông dân, số tiền: 300 triệu đồng.

- Tổng hợp báo cáo, đánh giá chung về THTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước: Các đơn vị dự toán, UBND các xã, thị trấn tổ chức hội nghị, hội thảo, tiếp khách, chi trả chế độ công tác phí, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cũng như sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, sách báo ... cơ bản đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm.

c. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước:

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo dõi, quản lý chặt chẽ, bố trí sử dụng xe ô tô công đúng mục đích, đúng đối tượng. Không có hiện tượng sử dụng xe ô tô công của các đơn vị hành chính, sự nghiệp vào việc riêng.

Trong quản lý, sử dụng tài sản công, cùng với các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã và đang thực hiện để nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công; UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị dự toán, UBND các xã thực hiện đúng các quy định hiện hành về mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định về định mức, tiêu chuẩn máy móc thiết bị chuyên dùng đã được UBND tỉnh ban hành.

d. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, công trình phúc lợi công cộng: Việc lập Kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư được thực hiện đúng nguyên tắc quy định, phù hợp với danh mục dự án đầu tư được duyệt, tính chất, quy mô, tiến độ, yêu cầu của dự án đầu tư và khả năng của

NSNN; Ưu tiên bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án có vốn đối ứng, các dự án đã đưa vào sử dụng và đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, dự án hoàn thành còn thiếu vốn, dự án chuyển tiếp.

Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng mục đích, định mức và tiêu chuẩn quy định theo Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Nhìn chung các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn quản lý và sử dụng trụ sở làm việc đúng mục đích, đúng định mức.

đ. THTK, CLP trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, tài nguyên: Việc quản lý, khai thác và sử dụng đất đã được đẩy mạnh với các biện pháp đồng bộ hơn, từ khâu quản lý quy hoạch đề xuất điều chỉnh quy hoạch, khai thác, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua đó kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm, khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng đất không đúng mục đích; khai thác và sử dụng có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường.

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra, đình chỉ khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn. Công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản (cát, đá,...) trên địa bàn huyện được tăng cường.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, phát hiện kịp thời 03 trường hợp vi phạm khai thác khoáng sản trái phép và đã xử lý theo quy định.

e. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước:

UBND huyện thực hiện kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức về tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn huyện, yêu cầu cán bộ, công chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ quan về kỷ luật, kỷ cương hành chính và thời gian lao động. Qua kiểm tra cho thấy cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện cơ bản chấp hành giờ giấc làm việc, sử dụng thời giờ làm việc hiệu quả, đảm bảo tác phong, trang phục gọn gàng, lịch sự, thực hiện văn hóa ứng xử trong giao tiếp...

UBND huyện đã tăng cường rà soát nhu cầu về biên chế và việc tuyển dụng lao động của các đơn vị, đảm bảo việc tuyển dụng phù hợp nhu cầu sử dụng và không lãng phí lao động; thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; việc đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và đề nghị của cấp trên, không cử đi đào tạo bồi dưỡng tràn lan gây lãng phí thời gian và ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Công tác điều động, tuyển dụng, bổ nhiệm đảm bảo quy trình, thủ tục đúng quy định pháp luật, trong 06 tháng đầu năm 2023:

+ Cấp huyện: UBND huyện tuyển dụng vào công chức đối với 02 trường hợp; Tiếp nhận và bổ nhiệm đối với 03 trường hợp; Tiếp nhận, tuyển dụng công chức cấp xã vào công chức cấp huyện đối với 01 trường hợp; Bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp viên chức và xếp lương đối với 05 trường hợp; Bổ nhiệm ngạch chuyên viên đối với 01 trường hợp; Kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với 01 trường hợp; Điều động công tác đối với 01 trường hợp; Điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với 03 trường hợp; Chuyển công tác đối với 02 trường hợp; Tổ chức thành công kỳ thi tuyển viên chức giáo viên và viên chức khác năm 2022 của huyện Đức Cơ.

+ Cấp xã: Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đối với 01 trường hợp; Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đối với 01 trường hợp; trình Hội đồng nhân dân huyện đề nghị miễn nhiệm và bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện đối với 03 trường hợp; Tuyển dụng, bổ nhiệm công chức Chỉ huy trưởng quân sự xã đối với 01 trường hợp; Điều động công tác đối với 01 trường hợp; Bổ nhiệm giữ chức vụ Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự xã đối với 01 trường hợp; Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã đối với 01 trường hợp; Thôi giữ chức vụ Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự xã đối với 01 trường hợp; Bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng xã đối với 02 trường hợp; Thôi giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng xã đối với 01 trường hợp.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, chức viên chức năm 2023; cử đi bồi dưỡng kiến thức cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự đối với 26 trường hợp (trong đó, cấp huyện 04 và cấp xã 22); cử công chức tham gia dự tuyển lớp cao học chuyên ngành Luật kinh tế đối với 01 trường hợp; tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ thanh viên chính đối với 01 trường hợp; thanh tra viên 01 trường hợp; thực hiện chi hỗ trợ và thanh quyết toán quỹ đào tạo bồi dưỡng đúng quy định.

- Công tác Cải cách hành chính: Ban hành các kế hoạch về công tác cải cách hành chính năm 2023. Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023; Báo cáo giải trình, cung cấp tài liệu kiểm chứng chỉ số cải cách hành chính năm 2022; Kết quả, xếp hạng chỉ số CCHC năm 2021 đứng thứ 11/17 huyện thị xã, thành phố tăng 02 bậc số với năm 2020 (năm 2022, chưa có kết quả xếp loại của UBND tỉnh).

Cải cách thể chế: Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã thị trấn kết hợp việc triển khai công tác rà soát các văn bản quy phạm pháp luật với việc hướng dẫn, tháo gỡ những vấn đề còn vướng mắc trong quá trình thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật tại các xã, thị trấn, góp phần nâng cao nhận thức, tầm quan trọng về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp các xã, thị trấn

Cải cách tổ chức bộ máy: Đã thực hiện rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Cải cách tài chính công: Triển khai thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập trên địa bàn huyện. Giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và

kinh phí quản lý hành chính đối với 19/19 cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định 117/2013/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 130/NĐ-CP; Giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với 47/47 đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị nghiệp công lập

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện văn bản được thao tác trên hệ điều hành quản lý văn bản (trừ các văn bản mật hoặc các văn bản được quy định như văn bản mật...). Tính từ ngày 01/01/2023 đến nay đã phát sinh 217 hồ sơ dịch vụ công mức độ 4 (trên cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai).

g. THPT, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: Không thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện.

h. THPT, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trên các thông tin đại chúng để nhân dân và cộng đồng nhận thức được lợi ích và trách nhiệm về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện để khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên địa bàn huyện; chỉ đạo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, trợ giúp xã hội đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hỗ trợ về sản xuất, đời sống đối với đồng bào DTTS; chỉ đạo các cơ quan truyền thông phối hợp với Ủy ban MTTQ huyện, các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức THPT, CLP trong sản xuất và tiêu dùng; duy trì và đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam."

Tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng bảo đảm tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí: Kết quả trong 5 tháng đầu năm 2023:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không

3. Đánh giá chung

a. Đánh giá kết quả đạt được:

Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc các giải pháp về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; góp phần cắt giảm chi tiêu công, phục vụ tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện tốt các quy trình về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, kế hoạch đầu tư công, công khai quy trình thu và sử dụng các loại quỹ, xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên, tăng cường công tác

kiểm tra khai thác khoáng sản nhằm ngăn chặn nguy cơ lãng phí tài nguyên trên địa bàn huyện.

Việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn xã hội, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Công tác quản lý Nhà nước được tăng cường, phát huy tốt vai trò của các cơ quan tham mưu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội góp phần hạn chế sai sót, tồn tại trong quản lý kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện. Ngoài ra, công tác quy hoạch xây dựng, chuẩn bị đầu tư (*lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật*), công tác lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán, quản lý, huy động nguồn vốn và phân bổ kế hoạch vốn, công tác đấu thầu, giám sát, đánh giá chất lượng công trình, nghiệm thu và đưa vào sử dụng, công tác kiểm tra, thanh quyết toán, thực hiện đúng trình tự về đầu tư XD CB theo Luật Đầu tư công.

b. Những tồn tại, hạn chế:

- Việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại một số cơ quan, đơn vị còn hình thức, hiệu quả chưa cao, xây dựng nội dung chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí còn chung chung chưa cụ thể.

- Hiệu quả sử dụng thời gian lao động của một bộ phận công chức, viên chức trong một số cơ quan, đơn vị chưa cao.

c. Nguyên nhân của những hạn chế:

** Nguyên nhân khách quan:*

- Cơ chế, chính sách trên nhiều lĩnh vực còn bất cập, thiếu đồng bộ, nhất là các lĩnh vực như đất đai, đầu tư xây dựng, thuế...; thủ tục hành chính được cải cách đáng kể nhưng vẫn còn rườm rà, phức tạp.

- Chưa có cơ chế, chính sách đối với công tác khen thưởng, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Công tác xây dựng Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn còn mang tính hình thức, chưa cụ thể, chưa sát với thực tế và chưa phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Tổ chức, biên chế của nhiều cơ quan còn chưa hợp lý; năng lực của một bộ phận công chức còn hạn chế; công tác đánh giá cán bộ công chức đôi lúc chưa khách quan, chưa phản ánh đúng năng lực và phẩm chất của cán bộ, công chức, viên chức; việc xác định trách nhiệm chưa rõ ràng dẫn đến chất lượng công vụ chưa cao, chưa tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức phát huy được sở trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

B. Phương hướng, nhiệm vụ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng cuối năm 2023

1. Tiếp tục thông tin, phổ biến pháp luật về THPTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPTK, CLP. Qua đó nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động của từng cấp, từng ngành và mỗi cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong THPTK, CLP. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin chống lãng phí.

2. Tiếp tục điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, gây lãng phí; thực hiện công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình về ngân sách nhà nước.

3. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, xác định rõ vị trí việc làm của từng cán bộ công chức, viên chức nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công tác và quản lý nhà nước. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quyết toán các dự án đầu tư của huyện, phường, xã nhằm nâng cao tiến độ và chất lượng công tác thanh quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước, hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước.

5. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời thực hiện tốt công tác công khai việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản công; công khai các nguồn vốn huy động, các quỹ có nguồn huy động đóng góp của Nhân dân theo quy định.

6. Phát huy triệt để vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức, đoàn thể trong cơ quan để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về THPTK, CLP. Đẩy mạnh giám sát đầu tư cộng đồng; tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư.

7. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đất đai, kinh phí ngân sách nhà nước, tiền, tài sản Nhà nước; tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện rà soát, sắp xếp, cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi thường

xuân chưa thực sự cấp thiết, nhất là các khoản chi: điện thoại, điện sáng, văn phòng phẩm, tiếp khách...

8. Tiếp tục rà soát các kế hoạch, dự án đầu tư ngay từ khâu đề xuất và quyết định chủ trương đầu tư, tránh việc các dự án đầu tư không đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, đầu tư dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp; đổi mới việc phân bổ vốn, tập trung vốn cho các công trình sắp hoàn thành; thực hiện công khai thông tin các cơ quan, đơn vị có dự án chậm hoàn thành công tác quyết toán theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện nghiêm các kiến nghị của kiểm toán nhà nước, thanh tra nhà nước trong các năm qua tại huyện; nghiêm túc khắc phục, rút kinh nghiệm những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý tài sản, ngân sách Nhà nước mà Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra đã kiến nghị.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn huyện Đức Cơ, gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH;
- Lưu: VT-VP.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Phận

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**Kỳ báo cáo: Từ 01/01/2023 đến 30/04/2023 và ước đến 30/06/2023***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Đức Cơ)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	8.602,90	11.428,80	11.428,80	1,33	1,00	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:			270,00	9,70	#DIV/0!	0,04	Các đơn vị tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên trong năm và sử dụng kinh phí tiết kiệm được để chi tăng thu nhập
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	120,00	50,00	2,00	0,02	0,04	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	80,00	20,00	1,00	0,01	0,05	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	70,00	50,00	0,00	0,00	0,00	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	0,00	0,00	1,00	0,00	0,00	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	122,00	50,00	2,00	0,02	0,04	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	124,00	50,00	0,00	0,00	0,00	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	110,00	50,00	3,70	0,03	0,07	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	2.590,00	1.680,00	60,00	0,02	0,04	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	2.590,00	1.680,00	60,00	0,02	0,04	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	6,00	4,00	3,00	0,50	0,75	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	18,00	10,00	8,00	0,44	0,80	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	9=6/4	10=6/5	11
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát (không tổng hợp số liệu của Ngành thuế)	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

